TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG XUÂN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HS-ST
Ngày 30/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: *Ông* Trần Vĩnh Long.

Các Hội thẩm nhân dân: *Ông* Nguyễn Văn Tiến.
Bà Nguyễn Thị Kiều Linh.

- ***Thư ký phiên tòa***: *Bà* Bùi Thị Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- ***Đại diện VKSND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà***: *Bà* Phan Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 04/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 03 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Việt H, sinh năm: 1985 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn Q1, xã Q, huyện X, tỉnh Phú Yên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lái xe; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 10/12; con ông Huỳnh Việt H1, sinh năm 1949 và bà Đinh Thị H2, sinh năm 1951; vợ Nguyễn Huỳnh Thủy H3, sinh năm 1987 và 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại Phiên tòa.

2. Huỳnh Ngọc T, sinh năm: 1979 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn Q1, xã Q, huyện X, tỉnh Phú Yên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 5/12; con ông

Huỳnh Ngọc T1 (chết) và bà Dương Thị T2, sinh năm 1949; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại Phiên tòa.

3. Huỳnh Việt C, sinh năm: 1979 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn Q1, xã Q, huyện X, tỉnh Phú Yên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lái xe; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 11/12; con ông Huỳnh Việt H1, sinh năm 1949 và bà Đinh Thị H2, sinh năm 1951; vợ Hồ Thị Xuân C1, sinh năm 1981 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại Phiên tòa.

4. Phạm Thế P, sinh năm: 1984 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn Q1, xã Q, huyện X, tỉnh Phú Yên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Giáo viên; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Xuân P1, sinh năm 1950 và bà Tạ Thị P2, sinh năm 1952; vợ Nguyễn Thị Hoa P3, sinh năm 1983 và có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại Phiên tòa.

5. Đào Văn D, sinh năm: 1973 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn Q1, xã Q, huyện X, tỉnh Phú Yên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 5/12; con ông Đào D1 (chết) và bà Phan Thị D2 (chết); vợ Lê Thị Yến D3, sinh năm 1973 và 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại Phiên tòa.

6. Huỳnh Văn K *(Tên gọi khác: A)*, sinh năm: 1996 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn Phước Lộc, xã Q, huyện X, tỉnh Phú Yên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; con ông Huỳnh Văn K1, sinh năm 1974 và bà Hồ Thị K2, sinh năm 1977; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại Phiên tòa.

* Người bào chữa cho các bị cáo Huỳnh Việt H, Huỳnh Việt C, Huỳnh Ngọc T (theo yêu cầu của các bị cáo): Ông Trần Ngọc Quỳnh, bà Trần Thị Như Thủy – Cả hai là Luật sư văn phòng Luật sư Dân Phúc - thuộc đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên. Ông Quỳnh có mặt, bà Thủy vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Văn K1 – Sinh năm 1974; trú tại: Thôn Phước Lộc, xã Q, huyện X, tỉnh Phú Yên – vắng mặt tại Phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 14/3/2022, Huỳnh Việt H, Phạm Thế P, Đào Văn D, Huỳnh Ngọc T, rủ nhau cùng tham gia đánh bạc bằng tiền dưới hình thức xóc bầu cua. Đến khoảng 20h00’ cùng ngày, H mang theo các dụng cụ dùng để đánh bạc rồi cùng với D, T, P đi đến đám keo thuộc khu vực G thuộc thôn Q1, xã Q, huyện X để đánh bạc. Cùng thời điểm này, Huỳnh Việt C biết được việc đánh bạc nên tự đi vào địa điểm đánh bạc. Lúc này, P, C, H, D thay nhau làm cái, riêng T chỉ tham gia đặt tiền. Khi một người làm cái thì tất cả những người còn lại đặt tiền trên chiếu bạc. Mỗi ván các bị cáo đặt từ 10.000đ đến 300.000đ, số tiền trên chiếu bạc mỗi ván dao động từ 100.000đ đến 500.000đ. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 16.800.000đ. Trong quá trình đánh bạc Huỳnh Văn K gọi điện thoại cho H và biết đang đánh bạc tại khu vực G nên K tự mình điều khiển xe mô tô chạy đến.

Việc đánh bạc diễn ra liên tục đến khoảng 22h 00’ cùng ngày thì các bị cáo nghỉ đi về. Trên đường về cách vị trí đánh bạc khoảng 100m thì gặp Huỳnh Văn K điều khiển xe mô tô BKS: 78x1-xxx.xx chạy đến, nên cả nhóm thống nhất vào bãi đất trống gần đó để tiếp tục đánh bạc. Lúc này, P là người làm cái, còn những bị cáo còn lại tham gia đặt tiền, riêng D không tham gia đặt tiền. Mỗi ván các bị cáo đặt tiền từ 20.000đ đến 100.000đ, số tiền trên chiếu bạc mỗi ván giao động từ 100.000đ đến 300.000đ. Tổng số tiền các bị cáo đánh bạc lần này là 6.280.000đ.

Việc đánh bạc diễn ra liên tục đến khoảng 22h45’ cùng ngày thì bị bắt quả tang, tạm giữ trên chiếu bạc số tiền 600.000đ. Thu giữ trên người các bị cáo 16.020.000đ và bị cáo H nộp lại số tiền 380.000đ, trong đó chứng minh được số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 16.400.000đ. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc trong hai lần là 17.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 21/CT-VKS-ĐX ngày 31/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Phú Yên truy tố các bị cáo Phạm Thế P, Huỳnh Ngọc T, Huỳnh Việt C, Huỳnh Việt H, Đào Văn D, Huỳnh Văn K về tội “Đánh bạc”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đã nêu. Kết luận các bị cáo Huỳnh Ngọc T, Huỳnh Việt C, Huỳnh Việt H, Phạm Thế P, Đào Văn D, Huỳnh Văn K phạm tội “Đánh bạc”. Căn cứ

vào nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với các bị cáo Huỳnh Ngọc T, Huỳnh Việt H; riêng bị cáo T đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS. Đề nghị xử phạt các bị cáo Huỳnh Việt H, Huỳnh Ngọc T mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội: "Đánh bạc". Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án và phạt bổ sung bị cáo H, T mỗi bị cáo 10.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65 BLHS đối với các bị cáo Huỳnh Việt C, Phạm Thế P. Đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Việt C từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội: "Đánh bạc"; xử phạt bị cáo Phạm Thế P từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội: "Đánh bạc". Phạt bổ sung bị cáo C, P mỗi bị cáo 10.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS đối với bị cáo Đào Văn D. Đề nghị xử phạt Đào Văn D từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội: "Đánh bạc". Phạt bổ sung bị cáo D 10.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS đối với bị cáo Huỳnh Văn K. Đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Văn K từ 20 đến 30 triệu đồng về tội: "Đánh bạc".

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng đồng) các bị cáo dùng để đánh bạc..

- Tịch thu tiêu hủy: Các vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội.

- Trả lại 05 điện thoại cho các bị cáo H, C, T, P, D và xe 01 mô tô cho bị cáo D đây không phải là công cụ, phương tiện phạm tội. Trả lại xe mô tô cho người có quyền lợi liên quan Huỳnh Văn K1.

Luật sư Trần Ngọc Quỳnh bào chữa cho bị cáo H, C, T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo H, T, C được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS và cho các bị cáo H, T, C hưởng án treo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo vì trong vụ án này tính chất sát phạt ăn thua không cao, các bị cáo đều là bà con họ hàng với nhau.

Tại cơ quan điều tra và tại Phiên tòa, các bị cáo Huỳnh Ngọc T, Huỳnh Việt C, Huỳnh Việt H, Phạm Thế P, Đào Văn D, Huỳnh Văn K khai nhận phù hợp với nội dung bản Cáo trạng. Các bị cáo khai: Vì ham vui trong dịp tết Nguyên đán năm 2022 nên tổ chức xóc bầu cua, các bị cáo không phải dân đỏ đen, sát phạt nhau; lần đầu phạm tội. Xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa, vắng mặt người bào chữa Trần Thị Như Thủy và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng các bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt luật sư Thủy do đã có luật sư Quỳnh tại Phiên tòa, người liên quan đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 291, 292 BLTTHS.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 20h 00’ đến 22h 00’ ngày 14/3/2022 tại khu vực G thuộc thôn Q1, xã Q, huyện X. Huỳnh Việt H, Huỳnh Ngọc T, Huỳnh Việt C, Phạm Thế P và Đào Văn D đã tham gia đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức xóc bầu cua, sau đó các bị cáo nghỉ. Trên đường đi về thì gặp Huỳnh Văn K, nên

các bị cáo H, T, C, P và K tiếp tục đánh bạc bằng hình thức xóc bầu cua từ khoảng 22h 05’ đến 22h 45’ cùng ngày thì bị bắt. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 17.000.000đ. Như vậy, hành vi của các bị cáo Huỳnh Việt H, Huỳnh Ngọc T, Huỳnh Việt C, Phạm Thế P, Đào Văn D, Huỳnh Văn K đã cấu thành tội “Đánh bạc”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS. Do đó, Cáo trạng số: 21/CT-VKS-ĐX ngày 31/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Phú Yên truy tố các bị cáo Huỳnh Việt H, Huỳnh Ngọc T, Huỳnh Việt C, Phạm Thế P, Đào Văn D và Huỳnh Văn K về tội “Đánh bạc”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn minh của xã hội ở cộng đồng dân cư và dễ dẫn đến làm phát sinh những tiêu cực khác, nên cần xử phạt mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, nên khi lượng hình cần xem xét đến vai trò, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo, để quyết định hình phạt phù hợp.

[3.1] Đối với bị cáo Huỳnh Việt H, Huỳnh Việt C, Huỳnh Ngọc T: Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo đã tham gia đánh bạc nhiều lần, nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; trong vụ án này, bị cáo H là người chuẩn bị dụng cụ dùng để đánh bạc. Do đó, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại Phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo C từng có thời gian phục vụ trong quân đội, bị cáo T có ông ngoại là Liệt sĩ, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, riêng bị cáo C, T được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, nên chỉ cần xử phạt các bị cáo bằng mức khởi điểm của khung hình phạt, để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng pháp luật Nhà nước ta mà an tâm cải tạo, sớm về đoàn tụ với gia đình.

Đối với quan điểm của Luật sư bào chữa đề nghị cho các bị cáo H, T, C được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS và cho các bị cáo H, T, C hưởng án treo. Hội đồng xét xử

xét thấy các bị cáo phạm tội hai lần, cả hai lần đều trên mức định lượng của tội đánh bạc, nên không thể áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS cho các bị cáo. Mặc dù bị cáo C, T có một tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS nhưng vì các bị cáo đều có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định. Vì vậy, HĐXX không chấp nhận ý kiến bào chữa của luật sư, đồng thời cũng không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo C hưởng án treo.

[3.2] Đối với bị cáo Phạm Thế P bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì ham vui mà tham gia đánh bạc 02 lần, nên áp dụng tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo, lẽ ra cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như bị cáo H, C, T. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên toà, bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm, thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; hai lần phạm tội đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác *(năm 2014-2015)* và là lao động tiên tiến từ năm 2016 đến nay; có chú ruột được Chủ tịch Nước tặng thưởng Huân chương chiến công Hạng ba; Ngày 23/3/2023 trường THPT Nguyễn Thái Bình có công văn xin giảm nhẹ hình phạt vì có nhiều thành tích trong quá trình công tác, đây là tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS, có nơi cư trú rõ ràng, có công việc ổn định, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội, nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà cho bị cáo được hưởng chính sách pháp luật hình sự quy định tại Điều 65 BLHS cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm như lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[3.3] Đối với bị cáo Đào Văn D và Huỳnh Văn K: Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vẫn tham gia đánh bạc, bị cáo D dùng số tiền để đánh bạc nhiều hơn các bị cáo khác, nên hình phạt đối với bị cáo cao hơn các bị cáo còn lại trong vụ án và tương đồng với bị cáo P. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên không cần cách ly bị cáo D ra khỏi xã hội một thời gian, mà cho bị cáo được hưởng chính sách pháp luật hình sự quy định tại Điều 65 BLHS cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo

và phòng ngừa tội phạm; riêng bị cáo K tham gia đánh bạc số tiền không lớn *(chỉ có 200.000đ)*, nhất thời phạm tội nên áp dụng Điều 35 BLHS xử phạt bị cáo K bằng hình phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo. Để các bị cáo D, K thấy được chính sách khoan hồng pháp luật Nhà nước ta, mà an tâm cải tạo, trở thành công dân có ích cho xã hội như lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[3.4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Huỳnh Việt H, Huỳnh Ngọc T, Huỳnh Việt C, Phạm Thế P, Đào Văn D đều không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Bị cáo Huỳnh Văn K bị xử phạt bằng hình phạt tiền nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4] *Về vật chứng vụ án*:

- Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 17.000.000đ *(mười bảy triệu đồng)*, trong đó, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 600.000đ; thu giữ trên người các bị cáo 16.020.000đ và bị cáo H nộp lại số tiền 380.000đ, đây là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) tờ giấy kích thước (40x31,5)cm in hình bầu cua, tôm, cá, gà, nai; 01 (một) đĩa bằng kim loại hình tròn màu trắng bạc, đường kính miệng 13,5cm; 01 (một) thau bằng kim loại hình tròn màu trắng bạc, đường kính miệng 13,5cm; 01 (một) đèn pin cầm tay dài 23,5cm, màu vàng cam; 21 (hai mươi mốt) hộp xốp hình lập phương đồng dạng, có cạnh 2,5cm, mỗi mặt in hình bầu, cua, tôm, cá, gà, nai là các công cụ, phương tiện phục vụ việc đánh bạc, xét thấy không có giá trị, nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 05 điện thoại di động của các bị cáo T, P, H, C, D và 02 xe mô tô của bị cáo D và người liên quan Huỳnh Văn K1, xét thấy không phải là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội hoặc có liên quan đến hoạt động phạm tội, nên trả lại cho chủ sở hữu.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Việt H, Huỳnh Ngọc T, Huỳnh Việt C, Phạm Thế P, Đào Văn D và Huỳnh Văn K phạm tội *"Đánh bạc"*.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với các bị cáo Huỳnh Việt H, Huỳnh Việt C, Huỳnh Ngọc T; riêng bị cáo C, T áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt các bị cáo Huỳnh Việt H, Huỳnh Việt C, Huỳnh Ngọc T mỗi bị cáo 06 *(sáu)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt bổ sung các bị cáo H, C, T mỗi bị cáo 10.000.000đ *(mười triệu đồng)*.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 BLHS đối với bị cáo Phạm Thế P. Xử phạt bị cáo Phạm Thế P 09 *(chín)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (*một)* năm 06 *(sáu)* tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/3/2023). Phạt bổ sung bị cáo P 10.000.000đ *(mười triệu đồng)*, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt bổ sung tại biên lai số 0000290 ngày 10/01/2023 của Chi cục THA-DS huyện X.

- Áp dụng: Khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS đối với bị cáo Đào Văn D. Xử phạt bị cáo Đào Văn D 09 *(chín)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (*một)* năm 06 *(sáu)* tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/3/2023). Phạt bổ sung bị cáo D 10.000.000đ *(mười triệu đồng)*, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt bổ sung tại biên lai số 0000292 ngày 10/01/2023 của Chi cục THA-DS huyện X.

Giao các bị cáo Phạm Thế P, Đào Văn D cho UBND xã Q, huyện X, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục các bị cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS đối với bị cáo Huỳnh Văn K. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn K 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng)*. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tại biên lai số 0000291 ngày 10/01/2023 của Chi cục THA-DS huyện X.

* *Về vật chứng*: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2, 3 Điều 106 BLTTHS.

- *Tịch thu tiêu hủy:* 01 (một) tờ giấy kích thước (40x31,5)cm in hình bầu cua, tôm, cá, gà, nai; 01 (một) đĩa bằng kim loại hình tròn màu trắng bạc; 01 (một) thau bằng kim loại hình tròn màu trắng bạc; 01 (một) đèn pin cầm tay; 21 (hai mươi mốt) hộp xốp hình lập phương đồng dạng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 17.000.000đ *(mười bảy triệu đồng).*

- Trả lại 05 chiếc điện thoại và 02 xe mô tô cho các bị cáo và người liên quan:

+ Trả cho Huỳnh Ngọc T: 01 *(một)* điện thoại di động màn hình cảm ứng, hiệu Samsung Galaxy A20S.

+ Trả cho Huỳnh Việt C: 01 *(một)* điện thoại di động màn hình cảm ứng, hiệu Samsung Galaxy A30, màu xám đen.

+ Trả cho Huỳnh Việt H 01 *(một)* điện thoại di động màn hình cảm ứng, hiệu Samsung Galaxy J7 Pro.

+ Trả cho Phạm Thế P: 01 *(một)* điện thoại di động Nokia màu đen (đã thi hành xong tại biên bản giao nhận tài sản lập ngày 12/01/2023).

+ Trả cho Đào Văn D: 01 *(một)* điện thoại di động Nokia màu đen (đã thi hành xong tại biên bản giao nhận tài sản lập ngày 12/01/2023).

(Tạm giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự huyện X số vật chứng, đồ vật nêu trên để đảm bảo việc thi hành án dân sự).

+ Trả cho người có quyền lợi liên quan Huỳnh Văn K1: 01 *(một)* xe mô tô BKS 78x1-xxx.xx, nhãn hiệu Honda, loại Wave RS, màu đen (đã thi hành xong tại biên bản giao nhận tài sản lập ngày 10/01/2023).

(Số tiền theo ủy nhiệm chi số 04, lập ngày 08/11/2022 do Cơ quan Công an huyện X nộp vào tài khoản của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện X; các vật chứng có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/11/2022 giữa Cơ quan Công an huyện X và Chi cục Thi hành án dân sự huyện X).

* *Về án phí*: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc

Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Huỳnh Việt H, Huỳnh Ngọc T, Huỳnh Việt C, Phạm Thế P, Đào Văn D và Huỳnh Văn K mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo D, P, K đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm tại các biên lai thu tiền số 0000310, 0000306, 0000307 ngày 10/01/2023 của Chi cục THA-DS huyện X.

* *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện X;
- Công an huyện X;
- CC THADS huyện X;
- Những người tham gia tố tụng;

Trần Vĩnh Long